

Số: 19/2023/QĐST-KDTM

Diễn Châu, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần xuất S

Địa chỉ: số 77 đường t, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1982, chức vụ: Phó giám đốc Phụ trách phòng giao dịch N, Chi nhánh S Nghệ An. (Văn bản ủy quyền số 06/VBUQ-SHB.NA ngày 19/01/2022).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; Đều có địa chỉ: xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26/6/2023 là 238.237.375 đồng

(hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)
(bao gồm: nợ gốc là 140.503.024 đồng; nợ lãi là 97.734.351 đồng). Trong đó:

- Số tiền nợ của Khế ước nhận nợ số 01-66/2020/HĐTDNH-CN/SHB.120208 ngày 05/03/2020 là 50.232.193 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 38.232.193 đồng)

- Số tiền nợ của Khế ước nhận nợ số 01-336/2019/HĐTDNH-CN/SHB.120208 ngày 06/09/2019 là 188.005.182 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 128.503.024 đồng, tiền lãi là 59.502.158 đồng)

Kể từ ngày 27/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trường hợp ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T1 không trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng thửa đất số 1047, tờ bản đồ số 02 tại xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An và tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 228954 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 18/6/2004) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 309/2018/HĐTC-CN/SHB.120208 ngày 29/8/2018; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số: PL01-309/2018/HĐTC-CN/SHB.120208 ngày 10/12/2018; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số: PL02-309/2018/HĐTC-CN/SHB.120208 ngày 06/9/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số: PL03-309/2018/HĐTC-CN/SHB.120208 ngày 04/3/2020 giữa SHB và ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T1.

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số AA/2022/0004203 ngày 06/6/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung